

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

| | | | |
|---|--|--------------------------------|------|
| Tên học phần: | Kế toán tài chính 1 | | |
| Mã học phần: | 71ACCT30093 | Số tín chỉ: | 03 |
| Mã nhóm lớp học phần: | 233_71ACCT30093_01 | | |
| Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận | Thời gian làm bài: | 75 | phút |
| <i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i> | <input checked="" type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | |

SV chỉ được tham khảo tài liệu giấy

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức đánh giá | Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%) | Câu hỏi thi số | Điểm số tối đa | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/P I |
|-------------|--|--------------------|--|----------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO1 | Vận dụng các nguyên tắc kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp hạch toán các khoản mục tiền, khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, khoản phải trả, vốn chủ sở hữu để tính giá các đối tượng kế toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan | Trắc nghiệm | 20% | Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4 | 0,5 0,5 0,5 0,5 | PLO1/ PI1.1 |
| CLO2 | Vận dụng các quy định của Chế độ kế toán để trình bày các chỉ tiêu liên quan trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. | Trắc nghiệm | 10% | Câu 5 Câu 6 | 0,5 0,5 | PLO2/ PI2.1 |
| CLO3 | Thực hiện việc hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến kế toán tiền, phải thu, hàng tồn kho, khoản phải trả, tài sản cố định, vốn chủ sở hữu. | Tự luận | 60% | Phần tự luận | 6,0 | PLO8/ PI8.1 |
| CLO5 | Thể hiện sự tuân thủ quy định chuẩn mực kế toán Việt Nam khi giải quyết các tình huống nêu ra trong học phần. | Trắc nghiệm | 10% | Câu 7 Câu 8 | 0,5 0,5 | PLO9/ PI9.1 |

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm) bao gồm 8 câu, mỗi câu 0.5 điểm

Câu 1 (random 1 trong 2)

Câu 1a-CLO1[lần 2]:

Ngày 10/1/N, công ty mua 100 đơn vị hàng hóa với giá mua chưa thuế 100.000 đồng/đơn vị, thuế GTGT được khấu trừ 10%, tiền hàng chưa thanh toán. Sau khi kiểm nhận, công ty phát hiện thiếu 10 đơn vị hàng hóa chưa rõ nguyên nhân và đã tiến hành nhập kho theo số thực nhận. Kế toán định khoản:

| | | |
|----------------------|-----------|------------|
| A. Nợ TK 1561 | 9.000.000 | |
| Nợ TK 1381 | 1.000.000 | |
| Nợ TK 1331 | 1.000.000 | |
| Có TK 331 | | 11.000.000 |

| | | |
|----------------------|-----------|------------|
| B. Nợ TK 1561 | 9.000.000 | |
| Nợ TK 1381 | 1.000.000 | |
| Nợ TK 1331 | 900.000 | |
| Có TK 331 | | 10.900.000 |

| | | |
|----------------------|------------|------------|
| C. Nợ TK 1561 | 10.000.000 | |
| Nợ TK 1381 | 1.000.000 | |
| Nợ TK 1331 | 1.000.000 | |
| Có TK 331 | | 12.000.000 |

| | | |
|----------------------|------------|------------|
| D. Nợ TK 1561 | 10.000.000 | |
| Nợ TK 1381 | 1.000.000 | |
| Nợ TK 1331 | 1.100.000 | |
| Có TK 331 | | 12.100.000 |

ANSWER: A

Câu 1b-CLO1[lần 2]:

Ngày 10/1/N, công ty mua 100 đơn vị hàng hóa với giá mua chưa thuế 100.000 đồng/đơn vị, thuế GTGT được khấu trừ 10%, tiền hàng chưa thanh toán. Sau khi kiểm nhận, công ty phát hiện thừa 10 đơn vị hàng hóa chưa rõ nguyên nhân và đã tiến hành nhập kho theo số thực nhận. Kế toán định khoản:

| | | |
|----------------------|------------|------------|
| A. Nợ TK 1561 | 11.000.000 | |
| Nợ TK 1331 | 1.000.000 | |
| Có TK 331 | | 11.000.000 |
| Có TK 3381 | | 1.000.000 |

| | | |
|----------------------|------------|------------|
| B. Nợ TK 1561 | 11.000.000 | |
| Nợ TK 1331 | 1.100.000 | |
| Có TK 331 | | 11.000.000 |

| | | |
|-----------|------------|------------|
| | Có TK 3381 | 1.100.000 |
| C. | Nợ TK 1561 | 11.000.000 |
| | Nợ TK 1331 | 1.100.000 |
| | Có TK 331 | 11.100.000 |
| | Có TK 3381 | 1.000.000 |
| D. | Nợ TK 1561 | 10.000.000 |
| | Nợ TK 1331 | 1.000.000 |
| | Có TK 331 | 10.000.000 |
| | Có TK 3381 | 1.000.000 |

ANSWER: A

Câu 2 (random 1 trong 2)

Câu 2a-CLO1[lần 2]

Ngày 27/1/N, công ty mua một thiết bị sản xuất có thời gian sử dụng dự kiến 5 năm với giá mua chưa thuế GTGT là 80.000.000 đồng, thuế GTGT được khấu trừ 10%, chưa thanh toán tiền cho bên bán. Thiết bị này còn đang chờ lắp đặt nên chưa đưa vào sử dụng ngay. Kế toán tiến hành định khoản:

| | | |
|-----------|------------|------------|
| A. | Nợ TK 2411 | 80.000.000 |
| | Nợ TK 1332 | 8.000.000 |
| | Có TK 331 | 88.000.000 |
| B. | Nợ TK 2112 | 80.000.000 |
| | Nợ TK 1332 | 8.000.000 |
| | Có TK 331 | 88.000.000 |
| C. | Nợ TK 242 | 80.000.000 |
| | Nợ TK 1332 | 8.000.000 |
| | Có TK 331 | 88.000.000 |

D. Chưa ghi nhận nghiệp vụ do tài sản chưa đưa vào sử dụng

ANSWER: A

Câu 2b-CLO1[lần 2]

Ngày 27/1/N, công ty mua máy photocopy có thời gian sử dụng dự kiến 8 năm với giá mua chưa thuế GTGT là 70.000.000 đồng, thuế GTGT được khấu trừ 10%, chưa thanh toán tiền cho bên bán. Thiết bị này còn đang chờ lắp đặt nên chưa đưa vào sử dụng ngay. Kế toán tiến hành định khoản:

| | | |
|-----------|------------|------------|
| A. | Nợ TK 2411 | 70.000.000 |
| | Nợ TK 1332 | 7.000.000 |

Có TK 331 77.000.000

B. Nợ TK 2112 70.000.000

 Nợ TK 1332 7.000.000

Có TK 331 77.000.000

C. Nợ TK 242 70.000.000

 Nợ TK 1332 7.000.000

Có TK 331 77.000.000

D. Chưa ghi nhận nghiệp vụ do tài sản chưa đưa vào sử dụng

ANSWER: A

Câu 3 (random 1 trong 2)

Câu 3a-CLO1[lần 2]

Ngày 10/6/N, chuyển khoản 20.000.000 đồng để ứng tiền cho nhân viên đi mua hàng, đã nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng. Kế toán định khoản:

A. Nợ TK 141 20.000.000

 Có TK 112 20.000.000

B. Nợ TK 334 20.000.000

 Có TK 112 20.000.000

C. Nợ TK 1561 20.000.000

 Có TK 112 20.000.000

D. Nợ TK 641 20.000.000

 Có TK 112 20.000.000

ANSWER: A

Câu 3b-CLO1[lần 2]

Ngày 10/6/N, chuyển khoản 20.000.000 đồng để ứng trước tiền lương tháng 6 cho nhân viên bán hàng, đã nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng. Kế toán định khoản:

A. Nợ TK 334 20.000.000

 Có TK 112 20.000.000

B. Nợ TK 141 20.000.000

 Có TK 112 20.000.000

C. Nợ TK 1561 20.000.000

 Có TK 112 20.000.000

D. Nợ TK 641 20.000.000

 Có TK 112 20.000.000

ANSWER: A

Câu 4 (random 1 trong 2)**Câu 4a-CLO1[lần 2]**

Thông tin về một tài sản cố định tại doanh nghiệp X như sau: xe tải giao hàng có thời gian sử dụng hữu ích 10 năm, nguyên giá 720.000.000 đồng, giá trị thanh lý ước tính 120.000.000 đồng, đã sử dụng được 4 năm 3 tháng. Hao mòn lũy kế của chiếc xe trên theo phương pháp đường thẳng là:

- A. 255.000.000 đồng
- B. 465.000.000 đồng
- C. 345.000.000 đồng
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Câu 4b-CLO1[lần 2]

Thông tin về một tài sản cố định tại doanh nghiệp X như sau: xe tải giao hàng có thời gian sử dụng hữu ích 10 năm, nguyên giá 720.000.000 đồng, giá trị thanh lý ước tính 120.000.000 đồng, đã sử dụng được 6 năm 3 tháng. Hao mòn lũy kế của chiếc xe trên theo phương pháp đường thẳng là:

- A. 375.000.000 đồng
- B. 345.000.000 đồng
- C. 225.000.000 đồng
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Câu 5 (random 1 trong 2)**Câu 5a-CLO2[lần 2]**

Tại ngày 1/1/N, khoản nợ phải thu của khách hàng A có thông tin chi tiết như sau:

Số dư Nợ của TK 131-A: 200.000.000 đồng, khoản nợ quá hạn 6 tháng

Số dư Có của TK 2293 -A: 60.000.000 đồng, dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khách hàng A.

Ngày 31/12/N, kế toán tiến hành lập dự phòng bổ sung đối với khoản nợ của khách hàng A. Khoản phải thu này sẽ được ghi nhận như thế nào trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N?

- A. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 200.000.000; chỉ tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi”, mã số 137, số tiền ghi âm là (100.000.000)
- B. Chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 200.000.000; chỉ tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi”, mã số 137, số tiền ghi âm là (60.000.000)

C. Chi tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 200.000.000; chi tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi”, mã số 137, số tiền ghi âm là (40.000.000)

D. Chi tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 100.000.000; chi tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi”, mã số 137, số tiền ghi âm là (60.000.000)

ANSWER: A

Câu 5b-CLO2[lần 2]

Tại ngày 1/1/N, khoản nợ phải thu của khách hàng A có thông tin chi tiết như sau:

Số dư Nợ của TK 131-A: 100.000.000 đồng, khoản nợ quá hạn 6 tháng

Số dư Có của TK 2293 -A: 30.000.000 đồng, dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khách hàng A.

Ngày 31/12/N, kế toán tiến hành lập dự phòng bổ sung đối với khoản nợ của khách hàng A.

Khoản phải thu này sẽ được ghi nhận như thế nào trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N?

A. Chi tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 100.000.000; chi tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi”, mã số 137, số tiền ghi âm là (50.000.000)

B. Chi tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 100.000.000; chi tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi”, mã số 137, số tiền ghi âm là (30.000.000)

C. Chi tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 100.000.000; chi tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi”, mã số 137, số tiền ghi âm là (20.000.000)

D. Chi tiêu “Phải thu ngắn hạn của khách hàng”, mã số 131, số tiền ghi dương 50.000.000; chi tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi”, mã số 137, số tiền ghi âm là (30.000.000)

ANSWER: A

Câu 6 (random 1 trong 2)

Câu 6a-CLO2[lần 2]

Trường hợp công ty phải chi một khoản tiền bồi thường cho đối tác do vi phạm hợp đồng kinh tế sẽ được trình bày như thế nào trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

A. Chi tiêu “Chi phí khác”, mã số 32, số tiền được ghi số dương

B. Chi tiêu “Thu nhập khác”, mã số 31, số tiền được ghi số dương

C. Chi tiêu “Chi phí khác”, mã số 32, số tiền được ghi số âm

D. Chi tiêu “Lợi nhuận khác”, mã số 40, số tiền được ghi số âm

ANSWER: A

Câu 6b-CLO2[lần 2]

Trường hợp công ty nhận được một tài sản cố định do đối tác gửi tặng sẽ được trình bày như thế nào trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

A. Chi tiêu “Thu nhập khác”, mã số 31, số tiền được ghi số dương

- B. Chỉ tiêu “Chi phí khác”, mã số 32, số tiền được ghi số dương
- C. Chỉ tiêu “Chi phí khác”, mã số 32, số tiền được ghi số âm
- D. Chỉ tiêu “Lợi nhuận khác”, mã số 40, số tiền được ghi số âm

ANSWER: A

Câu 7 (random 1 trong 2)

Câu 7a-CLO5[lần 2]

Theo qui định hiện hành, kế toán sẽ lập “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” khi:

- A. Hàng tồn kho có giá trị thuần có thể thực hiện nhỏ hơn giá gốc
- B. Hàng tồn kho có giá trị thuần có thể thực hiện lớn hơn giá gốc
- C. Hàng tồn kho có giá trị thuần có thể thực hiện bằng giá gốc
- D. Hàng tồn kho có giá trị thuần có thể thực hiện nhỏ hơn hoặc bằng giá gốc

ANSWER: A

Câu 7b-CLO5[lần 2]

Theo qui định hiện hành, kế toán sẽ lập “Dự phòng nợ phải thu khó đòi” khi:

- A. Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên
- B. Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 3 tháng trở lên
- C. Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 1 năm trở lên
- D. Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 3 năm trở lên

ANSWER: A

Câu 8 (random 1 trong 2)

Câu 8a-CLO5[lần 2]

Theo qui định hiện hành, kế toán sẽ không trích khấu hao TSCĐ vào chi phí kinh doanh trong kỳ trong trường hợp:

- A. TSCĐ sử dụng cho hoạt động phúc lợi
- B. TSCĐ sử dụng để sản xuất sản phẩm
- C. TSCĐ sử dụng để quản lý doanh nghiệp
- D. TSCĐ sử dụng để bán hàng

ANSWER: A

Câu 8b-CLO5[lần 2]

Theo qui định hiện hành, kế toán sẽ không trích khấu hao TSCĐ vào chi phí kinh doanh trong kỳ đối với:

- A. Quyền sử dụng đất vô thời hạn
- B. TSCĐ sử dụng để sản xuất sản phẩm
- C. TSCĐ sử dụng để quản lý doanh nghiệp

D. TSCĐ sử dụng để bán hàng**ANSWER: A****PHẦN TƯ LUẬN (6.0 điểm)****Một số thông tin về chính sách kế toán tại công ty TNHH Khánh Hòa như sau:**

- Kỳ kế toán tháng;
- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
- Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

Số dư của một số tài khoản kế toán tại ngày 1/12/N:

| <i>Tài khoản</i> | <i>Số dư (đồng)</i> | <i>Thông tin chi tiết</i> |
|--|---------------------|--|
| TK 152 | 120.000.000 | 500kg nguyên vật liệu X với đơn giá 240.000 đồng/kg |
| TK 141- nhân viên Nguyễn Hoàng Vũ | 20.000.000 | Tạm ứng cho nhân viên Nguyễn Hoàng Vũ |
| TK 334 | 100.000.000 | Tiền lương tháng 11/N chưa thanh toán |
| TK 331 – Anh Thơ | 20.000.000 | Dư Nợ, khoản ứng trước tiền hàng cho công ty Anh Thơ |
| <i>Các tài khoản khác có số dư hợp lý.</i> | | |

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 12/N sau:

1.a.1. Ngày 2, mua chịu 1.000 kg nguyên vật liệu X nhập kho từ công ty Anh Thơ với giá mua chưa thuế 250.000 đồng/kg, thuế suất GTGT 10%, điều kiện thanh toán 2/5, n/30.

1.a.2. Ngày 4, chuyển khoản thanh toán lương tháng 11/N cho nhân viên

1.a.3. Ngày 5, xuất kho 1.000 kg nguyên vật X để sản xuất sản phẩm.

1.a.4. Ngày 6, chuyển khoản thanh toán toàn bộ tiền còn nợ cho công ty Anh Thơ sau khi hưởng chiết khấu thanh toán và khoản đã ứng trước (chiết khấu thanh toán được tính theo tổng giá thanh toán trong hợp đồng mua hàng).

1.a.5. Ngày 9, thanh lý một thiết bị bán hàng có nguyên giá 240.000.000 đồng, hao mòn lũy kế 180.000.000 đồng; tổng giá thanh lý 88.000.000 đồng, trong đó bao gồm thuế GTGT 10% đã nhận được giấy báo Có từ ngân hàng ACB. Ngoài ra, công ty đã chi 5.500.000 để tân trang thiết bị trước khi đi thanh lý (bao gồm thuế GTGT 10%), đã thanh toán bằng tiền tạm ứng cho nhân viên Nguyễn Hoàng Vũ.

1.a.6. Ngày 10, trích lập quỹ khen thưởng 50.000.000 đồng và quỹ phúc lợi 100.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

1.a.7. Ngày 11, chuyển khoản mua một máy in với giá mua chưa thuế 24.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, sử dụng ngay tại phòng Kế toán từ tháng này, thời gian phân bổ hợp lý của thiết bị trên là 1 năm.

1.a.8. Ngày 31, kế toán thực hiện các công việc sau:

- Quyết toán tạm ứng của nhân viên Nguyễn Hoàng Vũ và lập phiếu thu đối với khoản tạm ứng thừa;
- Phân bổ công cụ dụng cụ (máy tính in) đang sử dụng tại phòng Kế toán;

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

| Phần câu hỏi | Nội dung đáp án | Thang điểm | Ghi chú |
|-----------------------|--|----------------------------|----------------|
| I. Trắc nghiệm | | 4.0 | |
| Câu 1 | A | 0.5 | |
| Câu 2 | A | 0.5 | |
| Câu 3 | A | 0.5 | |
| Câu 4 | A | 0.5 | |
| Câu 5 | A | 0.5 | |
| Câu 6 | A | 0.5 | |
| Câu 7 | A | 0.5 | |
| Câu 8 | A | 0.5 | |
| II. Tự luận | | 6.0 | |
| 1.a.1 | Nợ TK 152-X 250.000.000 Nợ TK 1331 25.000.000 Có TK 331-AT 275.000.000 | 0.5 | |
| 1.a.2 | Nợ TK 334 100.000.000 Có TK 112 100.000.000 | 0.5 | |
| 1.a.3 | Nợ TK 621 245.000.000 Có TK 152-X 245.000.000 Giá xuất kho = 500kgx 240.000đ/kg + 500kgx250.000đ/kg = 245.000.000 đồng | 0.5 | |
| 1.a.4. | Nợ TK 331-AT 255.000.000 Có TK 1121 249.500.000(=275tr-5,5tr-20tr) Có TK 515 5.500.000 (=2%x275.000.000) | 0.5 | |
| 1.a.5. | Nợ TK 811 60.000.000 Nợ TK 2141 180.000.000 Có TK 211 240.000.000 Nợ TK 1121 88.000.000 Có TK 711 80.000.000 Có TK 3331 8.000.000 Nợ TK 811 5.000.000 | 0.5 0.5 | |

| | | | |
|--------------|--|----------------|--|
| | Nợ TK 133 500.000 Có TK 141 – NHV 5.500.000 | 0.5 | |
| 1.a.6 | Nợ TK 4211 50.000.000 Có TK 3531 50.000.000 Nợ TK 4211 100.000.000 Có TK 3532 100.000.000 | 0.5 0.5 | |
| 1.a.7 | Nợ TK 242 24.000.000 Nợ TK 1331 2.4000.000 Có TK 1121 26.400.000 | 0.5 | |
| 1.a.8 | Thu hồi tạm ứng thừa: Nợ TK 111 4.500.000 Có TK 141- HNV 4.500.000 Phân bổ CCDC Nợ TK 6423 2.000.000 Có TK 242 2.000.000 | 0.5 0.5 | |
| | Điểm tổng | 10.0 | |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 Tháng 07 năm 2024

Người duyệt đề



ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

Giảng viên ra đề



ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng